

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 9 - 2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Vĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Vàng Mạnh Toàn**

2. Ông: **Mường Văn Y**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Chũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **H Lý Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2017/QĐHPT ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ma Thị M**; Sinh năm: 1981; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Vương Chính P**; Sinh năm: 1981; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

3. *Người phiên dịch tiếng Mông:* Bà **Vương Thị Hoa**;

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ma Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Chính P tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 10/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 28/02/2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P uống rượu say rồi hành hạ, đánh đập chị, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại, và ban quản lý thôn nhiều lần phân tích, hòa giải nhưng anh P không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; bị anh P hành hạ, đánh đập, nhiều lần, có lần anh P đánh chị nguy hiểm đến tính mạng chị phải đi nằm điều trị tại Bệnh viện. Đỉnh điểm đến tháng 02/2017 anh P say rượu về lại đánh chị, chị M không thể tiếp tục chung sống cùng nhà và gánh chịu thêm những trận đòn vô cớ của chồng được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Chị M thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Vương Chính P.

Về con chung: Chị và anh P có hai con chung là Vương Xuân H, sinh ngày 05/9/2002 và Vương Thị P, sinh ngày 24/11/2004. Hiện hai con đang ở cùng anh P, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Vương Thị P, còn anh Vương Chính P có trách nhiệm nuôi dưỡng con Vương Xuân H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh P có tài sản chung gồm: 01 nhà gỗ; 01 chuồng trại bằng gỗ; 03 con bò; 05 con lợn; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 02 chiếc áo quan bằng gỗ đã đóng hoàn thiện; 02 bộ ván áo quan bằng gỗ; 01 chiếc xe máy; 01 chiếc ti vi SAM 32 in và 01 đầu thu; 180 kg ngô hạt. Tất cả các tài sản trên tại nhà riêng anh P chị M; địa chỉ: thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Ly hôn chị M đề nghị chia đôi tài sản chung của vợ chồng, mỗi người hưởng 1/2 tài sản chung, nếu anh P sử dụng toàn bộ tài sản bằng hiện vật thì phải thanh toán cho chị giá trị phần tài sản chung chị được chia bằng tiền mặt (VNĐ).

Về tài sản riêng: Chị có 05 cái váy của dân tộc Mông; 10 cái yếm; 03 cái áo dân tộc Mông; 10 cái áo thường; 03 cái khăn dài; 04 cái khăn vuông. Các tài sản trên trong tủ quần áo tại nhà riêng của chị và anh P, hiện nay anh P đang quản lý. Ly hôn chị đề nghị anh P trả cho chị những tài sản riêng trên.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/5/2017, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/7/2017 bị đơn anh Vương Chính P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đôi lúc có xảy ra xô xát, cãi vã nhau, nguyên nhân là do anh đi uống rượu về không làm chủ được bản thân.

Đỉnh điểm đến ngày 17/02/2017 vợ chồng có đánh chửi nhau nhưng ngày hôm sau lại hòa thuận, đến ngày 20/02/2017 bố mẹ vợ và em vợ đã đến nhà anh dắt tay chị M về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ ngày 20/02/2017 cho đến nay. Chị M xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung là Vương Xuân H, sinh ngày 05/9/2002 và Vương Thị P, sinh ngày 24/11/2004. Hiện hai con đang ở cùng anh, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị M có tài sản chung gồm: 01 nhà gỗ; 01 chuồng trại bằng gỗ; 03 con bò; 05 con lợn; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 02 chiếc áo quan bằng gỗ đã đóng hoàn thiện; 02 bộ ván áo quan bằng gỗ; 01 chiếc xe máy; 01 chiếc ti vi SAM 32 in và 01 đầu thu; 180 kg ngô hạt. Nếu ly hôn số tài sản trên anh không nhất trí chia cho chị M.

Về tài sản riêng: Chị M có quần áo, trang phục cá nhân, anh không biết có bao nhiêu bộ, hiện nay vẫn còn nguyên trong tủ. Nếu ly hôn anh không nhất trí trả lại cho chị M.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/5/2017 đối với cháu Vương Xuân H và cháu Vương Thị P trình bày:

Cháu H và cháu P xác nhận là con của mẹ M, bố P. Hiện hai cháu đang ở cùng bố. Nếu bố mẹ ly hôn cháu, Vương Xuân H có nguyện vọng ở cùng với bố, Cháu Vương Thị P có nguyện vọng ở cùng với mẹ vì mẹ là người thương cháu nhất (bút lục số 23, 24, 25, 26).

Tại giấy xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng ngày 07/8/2017: Trưởng thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang xác nhận: Về mâu thuẫn vợ chồng: Do anh P đã nhiều lần đánh đập chị M nên đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2017 đến nay. Ban quản lý thôn và xã đã giải quyết hòa giải nhưng anh P vẫn không thay đổi tính cách nên cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được. Về con chung có hai con. Về tài sản chung 01 nhà gỗ; 01 chuồng trại bằng gỗ; 03 con bò; 05 con lợn; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 02 chiếc áo quan bằng gỗ đã đóng hoàn thiện; 02 bộ ván áo quan bằng gỗ; 01 chiếc xe máy đã qua sử dụng; 01 chiếc ti vi SAM 32 in và 01 đầu thu; 180kg ngô hạt. Công nợ chung: Không có (bút lục 78).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Ma Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Vương Chính P. Về con chung, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con Vương Thị P; đề nghị anh Vương Chính P có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con Vương Xuân H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2017 đã xác định tài sản chung của vợ chồng có tổng giá trị là 160.949.400^d, chị M đề nghị anh P quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật và thanh toán cho chị ½ giá trị phần tài sản chung chị được chia bằng tiền. Về tài sản riêng: Chị M rút yêu cầu anh P trả lại cho chị gồm 05 cái

váy của dân tộc Mông; 10 cái yếm; 03 cái áo dân tộc Mông; 10 cái áo thường; 03 cái khăn dài; 04 cái khăn vuông hiện trong tủ quần áo anh P đang quản lý để vợ chồng tự thỏa thuận. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Vương Chính P khai, trình bày và xác nhận nội dung anh đã khai, trình bày tại các văn bản tố tụng do Tòa án thu thập là đúng nhưng anh không ký vào các biên bản với lý do anh không nhất trí lý hôn, do vậy các văn bản Tòa án thu thập chứng cứ đối với anh P đều có xác nhận của các thành phần tham gia và chính quyền địa phương đối với việc anh P không ký và ghi họ tên tại các văn bản để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn anh Vương Chính P vắng mặt nên chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của anh Vương Chính P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành, thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 97, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 175, 177, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị M ly hôn anh P; Về con chung: Giao con Vương Thị P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con Vương Xuân H cho anh Vương Chính P có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng với tổng giá trị tài sản là 160.949.400^d, giao cho anh P quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán cho chị M giá trị phần tài sản chị đề nghị được chia là 80.474.700^d; Về án phí và chi phí tố tụng: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa đã được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang và được tổng đạt trực tiếp cho nguyên đơn, bị đơn. Anh Vương Chính P nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký vào Biên bản cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án. Đến thời gian mở lại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn anh P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Vương Chính P.

[2] Về hôn nhân: Chị Ma Thị M và anh Vương Chính P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị M và anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung. Tuy nhiên, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu về hành hạ, đánh đập chị M, nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh P có hành vi bạo lực gia đình, anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền của vợ, nghĩa vụ của chồng đối với vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình có đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị M yêu cầu xin ly hôn với anh Vương Chính P.

Anh P xin đoàn tụ, nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa ngày 29/8/2017 và phiên tòa hôm nay anh P đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ việc anh P xin đoàn tụ là miễn cưỡng và không có thiện chí. Nên yêu cầu xin đoàn tụ của anh P không được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng được nuôi con của chị Ma Thị M và anh Vương Chính P là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy, điều kiện vật chất, thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con của chị M và anh P thì việc giao cả hai con cho chị M hoặc anh P nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi của các con, mặt khác cháu P là con gái và đang trong độ tuổi hoàn thiện về thể chất, tâm sinh lý nên cần có sự chăm sóc giáo dục của người mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của các cháu, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu nuôi cháu P của chị M, đề nghị giao cháu H cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bác yêu cầu được nuôi hai con chung của anh P.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M, anh P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu yêu cầu nuôi con của mình được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, đã xác định được tài sản chung của chị M anh P trong thời kỳ hôn nhân như sau:

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2017 được công bố ngày 31/7/2017 xác định tài sản chung của chị M và anh P tại nhà riêng thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang gồm: 01 ngôi nhà cột gỗ, vách gỗ, mái ngói có diện tích 108m² giá trị là 70.178.400^d (bảy mươi triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm đồng). 01 chuồng trại bằng gỗ diện tích 15m² giá trị là 1.521.000^d (một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng). 03 con bò giá trị là 46.750.000^d (bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). 05 con lợn giá trị là 9.000.000^d (chín triệu đồng). 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ 03 buồng; 01 cánh gương, 01 cánh gỗ, 01 ngăn giữa để tivi giá trị là 1.000.000^d (một triệu đồng). 02 chiếc áo quan đã đóng hoàn thiện bằng gỗ thông thường giá trị là 14.000.000^d (mười bốn triệu đồng). 02 bộ ván áo quan bằng gỗ thông thường giá trị là 6.000.000^d (sáu triệu đồng). 01 chiếc xe máy Wave RS biển kiểm soát 23L1 - 04307 giá trị là 8.000.000^d (tám triệu đồng). 01 chiếc tivi SAM 32 in và 01 đầu thu giá trị là 3.330.000^d (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng). 180 kg ngô hạt giá trị là 1.170.000^d (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị M, anh P là 160.949.400^d (một trăm sáu mươi triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng). Ly hôn chị M yêu cầu tài sản chung của vợ chồng trên được chia đôi và đề nghị giao toàn bộ tài sản chung bằng hiện vật cho anh P quản lý, sử dụng, anh P phải thanh toán cho chị giá trị phần tài sản chị đề nghị được chia là 80.474.700^d (tám mươi triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm đồng). Hội đồng xét xử thấy, có được khối tài sản trên là công sức đóng góp của vợ chồng tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân, mặt khác toàn bộ số tài sản chung hiện anh P đang quản lý, nên yêu cầu chia đôi tài sản chung và đề nghị giao toàn bộ tài sản bằng hiện vật cho anh P quản lý, sử dụng, anh P phải thanh toán cho chị giá trị chênh lệch tài sản chị được hưởng của chị M là đúng thực tế nên được chia theo nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Bác yêu cầu không chia tài sản chung của anh P.

[6] Về tài sản riêng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M rút yêu cầu về tài sản riêng. Hội đồng xét xử thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.950.000^d (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Ma Thị M và anh Vương Chính P mỗi người phải chịu là 1.475.000^d, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí chị M đã nộp nên cần buộc anh P phải hoàn trả cho chị M số tiền 1.475.000^d

chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà anh P phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị M đối với anh Vương Chính P. Xử cho chị Ma Thị M được ly hôn với anh Vương Chính P.

2. Về nuôi con chung: Xử:

Giao con Vương Thị P, sinh ngày 24/11/2004 cho chị Ma Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng;

Giao con Vương Xuân H, sinh ngày 05/9/2002 cho anh Vương Chính P là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị M, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về chia tài sản chung: Xử:

Tổng giá trị tài sản chung của chị Ma Thị M và anh Vương Chính P trong thời kỳ hôn nhân là 160.949.400^d (một trăm sáu mươi triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng). Chia đôi cho chị Ma Thị M và anh Vương Chính P mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 80.474.700^d (tám mươi triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm đồng).

Giao cho anh Vương Chính P được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật gồm:

- 01 ngôi nhà cột gỗ, vách gỗ, mái ngói có diện tích 108m², giá trị là 70.178.400^d (bảy mươi triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm đồng);

- 01 chuồng trại bằng gỗ diện tích 15m², giá trị là 1.521.000^d (một triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng);

- 03 con bò, giá trị là 46.750.000^d (bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);
- 05 con lợn, giá trị là 9.000.000^d (chín triệu đồng);
- 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ 03 buồng; 01 cánh gương, 01 cánh gỗ, 01 ngăn giữa để tivi, giá trị là 1.000.000^d (một triệu đồng);
- 02 chiếc áo quan đã đóng hoàn thiện bằng gỗ thông thường, giá trị là 14.000.000^d (mười bốn triệu đồng);
- 02 bộ ván áo quan bằng gỗ thông thường, giá trị là 6.000.000^d (sáu triệu đồng);
- 01 chiếc xe máy Wave RS biển kiểm soát 23L1 - 04307, giá trị là 8.000.000^d (tám triệu đồng);
- 01 chiếc tivi SAM 32 in và 01 đầu thu, giá trị là 3.330.000^d (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng);
- 180kg ngô hạt, giá trị là 1.170.000^d (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tất cả các tài sản trên tại nhà riêng anh P, chị M; Địa chỉ tại thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Buộc anh Vương Chính P phải thanh toán cho chị Ma Thị M giá trị chênh lệch phần tài sản chị M được chia là 80.474.700^d (tám mươi triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm đồng).

4. Về tài sản riêng: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản riêng của chị Ma Thị M.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.950.000^d (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Ma Thị M và anh Vương Chính P mỗi người phải chịu là 1.475.000^d, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí chị M đã nộp (chị M đã thi hành xong).

Buộc anh Vương Chính P phải hoàn trả cho chị Ma Thị M 1.475.000^d tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

6. Về án phí: Chị Ma Thị M phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 4.023.735^d (bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng chị M phải chịu 4.323.735^d (bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là 5.550.000^d (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số: BB/2012/02563 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Trả lại cho chị Ma Thị M số tiền 1.226.265^d (một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Anh Vương Chính P phải chịu 4.023.735^d (bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- UBND xã T, H.Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu H sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh